



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	01					
2	000002	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	01					
3	000003	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	01					
4	000004	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	01					
5	000005	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01					
6	000006	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	01					
7	000007	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	01					
8	000008	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	01					
9	000009	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	01					
10	000010	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01					
11	000011	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	01					
12	000012	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	01					
13	000013	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	01					HP
14	000014	1001030574	Phạm Đắc Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	01					
15	000015	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	01					
16	000016	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	01					
17	000017	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	01					
18	000018	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	01					
19	000019	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	01					
20	000020	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	01					
21	000021	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	01					
22	000022	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyễn	10/09/2003	QM10A	01					
23	000023	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	01					
24	000024	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	01					
25	000025	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	01					
26	000026	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	01					
27	000027	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	01					
28	000028	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	01					
29	000029	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	01					
30	000030	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	01					
31	000031	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	01					
32	000032	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	01					
33	000033	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	01					
2	000035	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	01					
3	000036	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	01					
4	000037	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	01					
5	000038	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	01					
6	000039	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	01					
7	000040	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	01					
8	000041	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	01					
9	000042	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	01					
10	000043	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	01					
11	000044	0901030730	Phan Thị Thu	Trang	14/09/2003	QM9B	01					HP
12	000045	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	02					
13	000046	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	02					
14	000047	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	02					
15	000048	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	02					
16	000049	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	02					
17	000050	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	02					
18	000051	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	02					ĐK
19	000052	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	02					
20	000053	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	02					
21	000054	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	02					
22	000055	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	02					
23	000056	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	02					HP,ĐK
24	000057	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	02					
25	000058	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	02					
26	000059	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	02					
27	000060	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	02					
28	000061	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	02					HP
29	000062	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	02					
30	000063	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	02					
31	000064	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	02					
32	000065	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	02					
33	000066	1001030598	Dương Thị Thuý	Linh	06/01/2004	QM10B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	02					
2	000068	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	02					
3	000069	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	02					
4	000070	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	02					
5	000071	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	02					
6	000072	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	02					
7	000073	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	02					
8	000074	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	02					
9	000075	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	02					
10	000076	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	02					
11	000077	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	02					ĐK
12	000078	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM10B	02					
13	000079	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	02					
14	000080	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	02					HP
15	000081	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	02					
16	000082	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	02					
17	000083	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	02					
18	000084	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	02					
19	000085	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	02					
20	000086	1001030712	Trần Đức	Toàn	16/08/2004	QM10B	02					
21	000087	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	02					
22	000088	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	02					
23	000089	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	02					
24	000090	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	02					
25	000091	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM10B	02					ĐK
26	000092	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	03					
27	000093	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	03					
28	000094	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	03					
29	000095	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	03					
30	000096	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	03					
31	000097	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	03					
32	000098	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	03					
33	000099	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000100	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	03					
2	000101	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	03					
3	000102	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	03					
4	000103	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	03					
5	000104	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	03					
6	000105	1001030501	Vi Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	03					
7	000106	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	03					
8	000107	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	03					
9	000108	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	03					
10	000109	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	03					
11	000110	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	03					
12	000111	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	03					
13	000112	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	03					
14	000113	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	03					
15	000114	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	03					
16	000115	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	03					
17	000116	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	03					
18	000117	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	03					
19	000118	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	03					
20	000119	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	03					
21	000120	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	03					
22	000121	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	03					
23	000122	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	03					
24	000123	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	03					
25	000124	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	03					
26	000125	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	03					
27	000126	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	03					
28	000127	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	03					
29	000128	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	03					
30	000129	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	03					
31	000130	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	03					
32	000131	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	03					
33	000132	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	03					
34	000133	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	03					
2	000135	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	03					
3	000136	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	03					
4	000137	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	03					
5	000138	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	03					
6	000139	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	03					
7	000140	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	03					
8	000141	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	03					
9	000142	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	03					
10	000143	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	03					
11	000144	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	03					
12	000145	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	03					
13	000146	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	03					
14	000147	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	03					
15	000148	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	03					
16	000149	1001031747	Phạm Huy	Hoàng	23/10/1996	QT10A	04					
17	000150	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	04					
18	000151	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	04					
19	000152	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	04					
20	000153	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	04					
21	000154	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	04					
22	000155	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	04					
23	000156	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	04					
24	000157	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	04					
25	000158	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	04					ĐK
26	000159	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	04					
27	000160	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	04					
28	000161	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	04					ĐK
29	000162	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	04					
30	000163	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	04					
31	000164	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	04					
32	000165	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	04					
33	000166	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	04					
34	000167	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000168	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	04					
2	000169	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	04					
3	000170	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	04					
4	000171	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	04					
5	000172	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	04					
6	000173	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	04					ĐK
7	000174	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	04					
8	000175	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	04					
9	000176	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	04					
10	000177	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	04					
11	000178	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	04					
12	000179	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	04					
13	000180	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	04					
14	000181	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	04					
15	000182	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	04					
16	000183	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	04					
17	000184	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	04					
18	000185	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	04					
19	000186	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	04					
20	000187	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	04					
21	000188	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	04					
22	000189	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	04					
23	000190	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	04					
24	000191	1001030681	Nguyễn Hữu	Sơn	08/12/2004	QT10B	04					
25	000192	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	04					
26	000193	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	04					
27	000194	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	04					
28	000195	1001030708	Chu Thùy	Tiên	13/01/2001	QT10B	04					
29	000196	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	04					
30	000197	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	04					
31	000198	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	04					
32	000199	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	04					
33	000200	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	04					
34	000201	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Khởi sự kinh doanh

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000202	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	05					
2	000203	1001080383	Lê Lan	Anh	26/07/2004	TM10A	05					
3	000204	1001081182	Nguyễn Hồng	Anh	27/02/2004	TM10A	05					
4	000205	1001080386	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	08/11/2004	TM10A	05					
5	000206	1001081104	Ngô Thị Kim	Ánh	07/09/2004	TM10A	05					
6	000207	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	05					
7	000208	1001081592	Nguyễn Ngọc	Bích	17/11/2004	TM10A	05					
8	000209	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	05					
9	000210	1001081107	Đỗ Đức	Cường	06/09/2004	TM10A	05					
10	000211	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	05					
11	000212	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	05					
12	000213	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	05					
13	000214	1001080391	Phạm Thị Thuý	Hiền	25/12/2004	TM10A	05					
14	000215	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	05					
15	000216	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	05					
16	000217	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	05					
17	000218	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	05					
18	000219	1001080397	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	11/02/2004	TM10A	05					
19	000220	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	05					
20	000221	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	05					
21	000222	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	05					
22	000223	1001081115	Nguyễn Diệu	Linh	12/02/2004	TM10A	05					
23	000224	1001080400	Nguyễn Thị Diệu	Linh	05/03/2004	TM10A	05					
24	000225	1001080403	Cung Xuân	Mai	22/01/2004	TM10A	05					
25	000226	1001080404	Nguyễn Hùng	Mạnh	26/10/2004	TM10A	05					
26	000227	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	05					
27	000228	1001080408	Vũ Trần Minh	Ngọc	03/08/2004	TM10A	05					
28	000229	1001080409	Hoàng Tổ	Nhi	12/11/2004	TM10A	05					
29	000230	1001081440	Trần Thị Kim	Oanh	15/04/2004	TM10A	05					HP
30	000231	1001080413	Chu Lan	Phương	14/06/2004	TM10A	05					
31	000232	1001081125	Phạm Thị	Phượng	22/06/2004	TM10A	05					
32	000233	1001080415	Đỗ Trường	Son	21/07/2004	TM10A	05					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
33	000234	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	05					
34	000235	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	05					
35	000236	1001080421	Mạc Đoàn Thanh	Trang	26/11/2004	TM10A	05					
36	000237	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	05					
37	000238	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	05					
38	000239	1001080423	Trần Ngọc Yến	Vy	27/11/2004	TM10A	05					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2